# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KHAI PHÁT GIÁO DỤC NAGOMI
# CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KHAI PHÁT GIÁO DỤC NAGOMI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108482895

**3. Ngày thành lập:** 22/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3/15, ngõ 683, đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | In ấn<br>(Trừ loại Nhà nước cấm) | *1811* |
| 2. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp | *8211* |
| 3. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại | *8230* |
| 4. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay | *5229* |
| 5. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | *7810* |
| 6. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | *4659* |
| 7. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế: Bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;<br>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính... | *4649* |
| 8. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4711* |
| 9. | Bán lẻ  khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | *4719* |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý | *7020* |
| 11. | Điều hành tua du lịch | *7912* |

| | | |
|---|---|---|
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | *4932* |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ | *8559* |
| 14. | Đại lý du lịch | *7911* |
| 15. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | *7990* |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | *4931* |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | *4933* |
| 18. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ | *4631* |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | *5621* |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, thông dịch | *7490* |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. | *5629* |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | *8299* |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | *4722* |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh | *4723* |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ | *4781* |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | *5510* |
| 27. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên | *5590* |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | *5610* |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học (Điều 107 nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục) | *8560(Chính)* |
| 30. | Dịch vụ liên quan đến in | *1812* |
| 31. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh | *4721* |
| 32. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | *0128* |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống | *5630* |

**6. Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VŨ THỊ VÂN ANH | Một phần P103 – E11, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.400.000.000 | 50,000 | 013395181 | |
| 2 | VŨ THỊ BÍCH HÒA | Khu 1, Xã Tân Đức, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam | 1.400.000.000 | 50,000 | 132335912 | |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: VŨ THỊ VÂN ANH Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *21/03/1987* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *013395181*
Ngày cấp: *16/03/2011* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Một phần P103 – E11, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Một phần P103 – E11, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội